TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN P **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 577/2020/QĐST-DS	*Quận P, ngày 06 tháng 10 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành 28 tháng 9 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 1090/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ
Địa chỉ: Số 22 NQ, phường A, quận B, Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn Minh (Theo Giấy ủy quyền ngày 13/01/2020)

- Bị đơn: Bà Lê Thị Mộng C và ông Nguyễn Trương Hoài T
Cùng địa chỉ: 61/6A đường TTH21, tổ 18, Khu phố 3, phường T, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Trương Hoài T và bà Lê Thị Mộng C có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 28/9/2020 của Hợp đồng cho vay số 524/2016/HĐTD/PVB-CN.TB ngày 20/9/2016 là 796.735.898 (Bảy trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi tám) đồng, trong đó nợ gốc là 560.200.000 đồng, nợ lãi là 236.535.898 đồng. Thời hạn trả tiền chậm nhất là ngày 30/10/2020.

Ngoài ra, ông Nguyễn Trương Hoài T và bà Lê Thị Mộng C còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh tính từ ngày 29/9/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất quá hạn được thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 524/2016/HĐTD/PVB-CN.TB ngày 20/9/2016.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Nguyễn Trương Hoài T và bà Lê Thị Mộng C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi quá hạn

phát sinh thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là xe ô tô con 07 chỗ, màu bạc, hiệu TOYOTA, số loại FORTUNER KUN60L-NKMSHU, số khung RL4ZR69G5G4029773, số máy 2KDU909036, biển kiểm soát: 51F-429.48 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Trương Hoài T và bà Lê Thị Mộng C theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 201179 do Phòng cảnh sát giao thông, Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/09/2016 cho bà Lê Thị Mộng C để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

Số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Trương Hoài T và bà Lê Thị Mộng C đối với Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Trương Hoài T và bà Lê Thị Mộng C vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

Trường hợp ông Nguyễn Trương Hoài T và bà Lê Thị Mộng C đã thanh toán tất cả các khoản nợ gốc, lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Đ phải trả lại cho ông Nguyễn Trương Hoài T, bà Lê Thị Mộng C bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 201179 do Phòng cảnh sát giao thông, Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/09/2016 cho bà Lê Thị Mộng C.

2.2. Về án phí: Ông Nguyễn Trương Hoài T và bà Lê Thị Mộng C tự nguyện chịu 17.934.718 (Mười bảy triệu chín trăm ba mươi bốn ngàn bảy trăm mười tám) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.012.569 (Mười sáu triệu không trăm mười hai ngàn năm trăm sáu mươi chín) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0107930 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận P, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Mai